

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**TÀI LIỆU**

**HỘI NGHỊ SƠ KẾT TRIỂN KHAI  
10 CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN NĂM 2006**

**ĐÀ NẴNG – 4/2007**

# BÁO CÁO

## TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI 10 CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN NĂM 2006

Năm 2006 Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thí điểm 10 chương trình tiên tiến (CTTT) trong 9 trường đại học. Việc tổ chức đào tạo theo chương trình tiên tiến trong một số trường đại học của Việt Nam nhằm các mục tiêu sau:

### *1. Mục tiêu tổng quát*

- Góp phần đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, đổi mới các trường đại học của Việt Nam;
- Nâng trình độ giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới;
- Xây dựng một số ngành đào tạo trở thành các ngành mạnh, khoa mạnh, đạt trình độ khu vực và quốc tế, tạo tiền đề cho từng trường phát triển dần thành trường đại học đẳng cấp quốc tế.

### *2. Mục tiêu cụ thể*

- Đổi mới căn bản về nội dung và phương pháp giảng dạy, tổ chức và quản lý đào tạo, cách thức đánh giá và gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học;
- Nâng cao trình độ của giảng viên cả về kiến thức và trình độ ngoại ngữ, năng lực giảng dạy chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.
- Tăng cường hợp tác trao đổi với các trường đại học tiên tiến trên thế giới, từ đó tăng cường năng lực nghiên cứu của các trường đại học;
- Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức hiện đại, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng cao với môi trường lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội của đất nước.
- Nâng cấp đồng bộ các điều kiện đảm bảo chất lượng (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tư liệu, môi trường học thuật...) phục vụ việc dạy và học theo tiêu chuẩn quốc tế.
- Tạo dựng một mô hình đào tạo chất lượng cao có khả năng lan tỏa sang nhiều ngành trong một trường và nhiều trường trong hệ thống.
- Tạo điều kiện để gắn kết các trường đại học thành các trung tâm học thuật đạt trình độ khu vực và quốc tế, thu hút sinh viên nước ngoài đến học tập, nghiên cứu; tạo tiền đề để đến năm 2020 có 5000 sinh viên nước ngoài đến học các chương trình tiên tiến tại Việt Nam.
- Tạo ra một tác động để làm chuyển động toàn hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam theo hướng đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, đáp ứng được với yêu cầu của xã hội và từng bước hội nhập với khu vực và quốc tế.

## **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI**

Từ khi được giao nhiệm vụ triển khai CTTT, các trường đã chuẩn bị các nội dung: xây dựng đề án, tìm kiếm đối tác, chuẩn bị cơ sở vật chất, chuẩn bị đội ngũ giảng viên, xây dựng chương trình đào tạo, chương trình quản lý. Đến nay cả 10 chương trình đã tuyển sinh và tiến hành đào tạo ở học kì II.

Trong thời gian từ ngày 10 - 19/01 và ngày 12/02/2007, Tổ công tác của Vụ Đại học và Sau đại học đã kiểm tra tình hình triển khai thực hiện 10 Chương trình tiên tiến tại 9 trường. Tổ công tác đã làm việc với các Ban chỉ đạo, gặp gỡ các giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên và thăm các cơ sở vật chất phục vụ cho chương trình tiên tiến. Sau đây là báo cáo tổng hợp tình hình:

### **1. Tính chủ động và đáp ứng của các trường đối với việc triển khai CTTT**

Dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo các trường đã chủ động thành lập Ban chỉ đạo (phụ lục 5), hầu hết thành lập trước tháng 5/2006, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện CTTT như: các qui định tạm thời cho CTTT; những qui định ưu tiên cho CTTT sử dụng các trang thiết bị giảng dạy, thư viện, phòng học, phòng thí nghiệm; qui định về mức thù lao cho giảng viên, trợ giảng, cố vấn học tập ... tuy nhiên tiến độ thực hiện các công việc còn chậm và chưa thật đầy đủ.

Một số trường triển khai chậm ở một số việc so với kế hoạch và tiến độ của Bộ đề ra: xây dựng đề án (Đại học Huế, Đại học NNI), xây dựng chương trình đào tạo, cử giảng viên đi tập huấn ở trường đối tác (ĐHKHTN Hà Nội – giảng viên chưa đi tập huấn, Đại học Huế, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân), quyết toán tài chính (Đại học Huế, Trường ĐHKHTNHN, Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Đại học NNI).

### **2. Quan hệ với trường đối tác**

Ở các mức độ khác nhau, các trường đã thiết lập được những mối quan hệ hợp tác với các trường đối tác. Nhiều trường có sự hợp tác từ trước, hoặc có sự hỗ trợ của giảng viên việt kiều hay các công ty nước ngoài khác nên đạt được các thỏa thuận tốt và có hiệu quả (như ĐHKHTN TPHCM, ĐH Đà Nẵng, ĐH Cần Thơ, ĐH Bách khoa Hà Nội, ĐH Nông nghiệp I...). Một số trường đối tác cử người làm điều phối viên cho CTTT (ĐH bang Michigan với ĐH Cần Thơ; ĐH Portland bang Oregon với ĐHKH Tự nhiên TP HCM)

Đến nay đã hoàn tất việc tiếp xúc và ký văn bản hợp tác giữa 9 trường đại học Việt Nam với 8 trường đối tác của Hoa Kỳ (phụ lục 1). Theo xếp hạng hàng năm của US. New về thứ hạng của các trường đại học ở Hoa Kỳ (phụ lục 2, phụ lục 3) các trường đối tác được đánh giá khá cao:

- 5 trường đối tác thuộc nhóm 126 trường đại học hàng đầu Hoa Kỳ: ĐH Michigan - đối tác của Trường ĐH Cần Thơ ngành CN sinh học - xếp thứ 24; ĐH Virginia - đối tác của Đại học Huế ngành Vật lý - xếp thứ 24; ĐH Illinois at Urbana&Champaign- đối tác của ĐHBKHN ngành KH & KT Vật liệu, Trường

ĐHKHTN Hà Nội ngành Hoá học, Trường ĐHBK TpHCM ngành hệ thống năng lượng - xếp thứ 41; ĐH Washington - đối tác của ĐH Đà Nẵng ngành điện tử viễn thông - xếp thứ 42; UC Davis xếp - đối tác của Trường ĐHNNI ngành Khoa học cây trồng - thứ 47.

- 02 trường đối tác thuộc nhóm 63 trường đại học hàng đầu ở khu vực miền tây Hoa Kỳ: CSU Long Beach - đối tác của Trường ĐH Kinh tế Quốc dân ngành Tài chính - xếp thứ 27; CSU Chico - đối tác của Trường ĐHBK Hà Nội ngành Cơ - Điện tử - xếp thứ 31, đây là trường đầu tiên phát triển chương trình Cơ - Điện tử ở Hoa Kỳ.

- Chỉ có Trường Portland State University (PSU)- đối tác của Trường ĐH KHTN Tp HCM ngành Công nghệ thông tin- không thuộc trong các nhóm trên, xếp thứ 225 theo bảng xếp hạng của Webometrics (phụ lục 4).

Trong các văn bản hợp tác đều được các trường đối tác cho phép sử dụng chương trình gốc, sử dụng giáo trình, giúp xây dựng chương trình đào tạo và cử giảng viên tham gia giảng dạy theo các mức độ khác nhau (phụ thuộc vào thời gian của các giáo sư của trường đối tác và kinh phí chi trả). Có trường đối tác thoả thuận giúp kiểm định chất lượng (ĐH Washington với ĐH Đà Nẵng), giám sát, cấp bằng (ĐH Portland với ĐHKHTN TpHCM), cử đại diện sang giúp xây dựng chương trình đào tạo, tư vấn xây dựng phòng thí nghiệm (UC Davis với trường ĐHNNI, CSU Chico với Trường ĐHBKHN). Đại diện của trường đối tác đã sang thăm, trao đổi xây dựng CTTT và trao đổi với sinh viên CTTT (ĐH Cần Thơ, ĐH Nông nghiệp I, ĐH Bách khoa HN – ngành Cơ - Điện tử, ĐH Huế).

### **3. Chuẩn bị cơ sở vật chất**

Các trường đều dành phòng học riêng cho CTTT, có trang bị máy lạnh, thiết bị hỗ trợ giảng dạy: projector, overhead, đầu video, caset. Tuy nhiên có trường đã dành phòng học riêng nhưng trang bị còn nghèo nàn (ĐH Huế).

Hầu hết các trường đã mua hoặc đặt mua sách, giáo trình qua Xunhasaba hoặc giáo viên sang tập huấn trực tiếp mua về.

Các trường đã có các phòng thí nghiệm hiện đại được trang bị sẵn từ Dự án đại học I và các nguồn tài trợ khác, như Trường ĐH Cần Thơ, Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH NNI, Trường ĐHKHTN Tp HCM, ĐH Đà Nẵng ... Các phòng thí nghiệm này chủ yếu là các phòng thí nghiệm nghiên cứu, nếu sử dụng giảng dạy sẽ không có hiệu quả. Sau những đợt tiếp xúc và tập huấn ở trường đối tác, các trường đã nhận thấy vai trò quan trọng của của các phòng thí nghiệm học tập (teaching labs) - hiện đang rất thiếu ở các trường - cần phải có kế hoạch phát triển.

Các trường có hệ thống thư viện và mạng internet phục vụ tốt cho ngành đào tạo là ĐH Đà Nẵng, ĐH Huế, Trường ĐH Cần Thơ (các trường này có trung tâm học liệu phục vụ tốt cho việc tự học và khai thác tài liệu điện tử), tương đối tốt là Trường ĐHKH Tự nhiên TP HCM và Trường ĐHBK Hà Nội. Những trường còn lại ở mức độ trung bình.

